Tay nâng trợ lực điện servo FS-BS / FS-ES



Giới thiệu sản phẩm

Tay nâng trợ lực điện servo của FULLSHARP dùng động cơ servo thay cho xi lanh khí nén: người vận hành chỉ cần đẩy nhẹ tay cầm, tải nặng 200–500 kg di chuyển êm, dừng đúng vị trí và giữ yên khi buông tay. Thiết bị không cần khí nén, chỉ cần nguồn điện 380V 3 pha.

Tay dài 3000 mm, bán kính làm việc 2500 mm, chiều cao nâng 2000 mm, phù hợp các trạm cấp phôi CNC, lắp ráp chi tiết nặng, bốc dỡ thùng, cuộn và bao hàng. Đồ gá đầu tay được thiết kế theo từng sản phẩm của khách hàng.

Ba kiểu lắp đặt



Đặt sàn Cột cố định bằng bu lông xuống nền, phù hợp trạm làm việc cố định.



Đế di động Đế thép có bánh xe và chân tăng chỉnh, dời sang trạm khác khi cần (C, D, E cao thêm 200 mm).



Treo trần Treo trên khung hoặc dầm trần, giải phóng mặt sàn cho dây chuyền.

Hình ảnh thực tế



Tay nâng trợ lực điện servo FS-BS / FS-ES – Hình ảnh thực tế 1



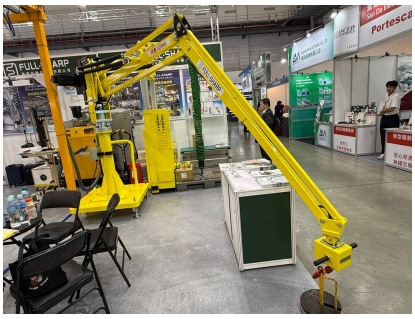
Tay nâng trợ lực điện servo FS-BS / FS-ES – Hình ảnh thực tế 2



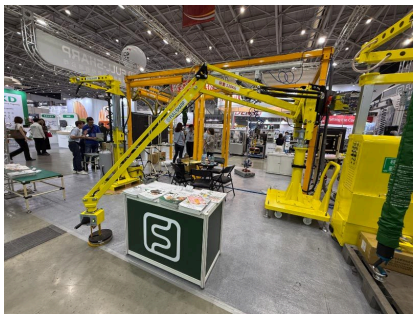
Tay nâng trợ lực điện servo FS-BS / FS-ES – Hình ảnh thực tế 3



Tay nâng trợ lực điện servo FS-BS / FS-ES – Hình ảnh thực tế 4



Tay nâng trợ lực điện servo FS-BS / FS-ES – Hình ảnh thực tế 5



Tay nâng trợ lực điện servo FS-BS / FS-ES – Hình ảnh thực tế 6

Thông số chính

Hạng mục	Thông số
Nguồn điện	380V 3 pha
Động cơ	Servo
Tải nâng (gồm đồ gá và sản phẩm)	200 – 500 kg
Chiều cao nâng	2000 mm
Chiều dài tay	3000 mm
Bán kính làm việc	2500 mm
Đế cột	600 × 600 mm
Tổng chiều cao	3400 mm

Đặc điểm nổi bật

Động cơ servo

Điều khiển chính xác, vận hành êm, tiết kiệm điện.

Tải 200–500 kg

Đáp ứng đa số nhu cầu nâng hạ trong sản xuất.

Tầm với rộng

Tay 3000 mm, bán kính làm việc 2500 mm, với tới mọi vị trí trong trạm.

An toàn

Hệ thống giám sát thông minh, có nút dừng khẩn cấp.

Lợi ích khi sử dụng

- Tăng năng suất: giảm thời gian nâng hạ, tăng tốc độ sản xuất đến 40%
- Bảo vệ sức khoẻ công nhân: hạn chế chấn thương do nâng vật nặng bằng tay
- Độ chính xác cao nhờ động cơ servo
- Vùng làm việc rộng, thao tác linh hoạt
- Tiết kiệm năng lượng
- Kết cấu chắc chắn, tuổi thọ dài
- Thiết kế module, thay thế linh kiện nhanh

Ứng dụng

Thực phẩm

Nâng nồi nguyên liệu, di chuyển bao bì, thùng carton; đồ gá chuyên dụng giữ nồi không đổ.

Hoá chất

Di chuyển phuy, can nhựa chứa hoá chất, giảm tiếp xúc trực tiếp với hoá chất.

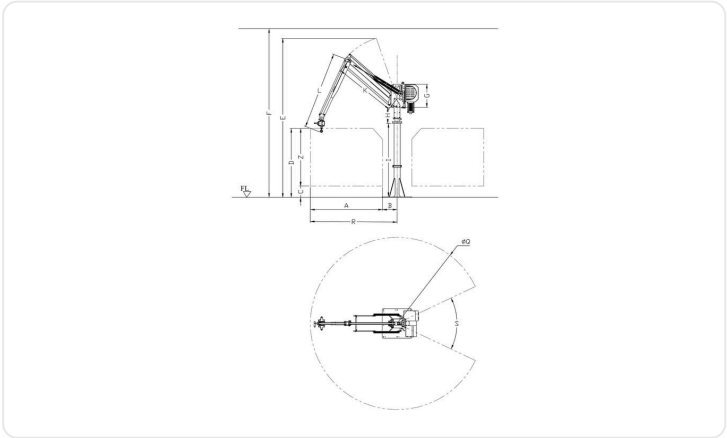
Cơ khí

Nâng chi tiết, lắp ráp cụm nặng, cấp phôi cho máy CNC.

Dược phẩm

Vận chuyển nguyên liệu trong môi trường sạch, đảm bảo vệ sinh.

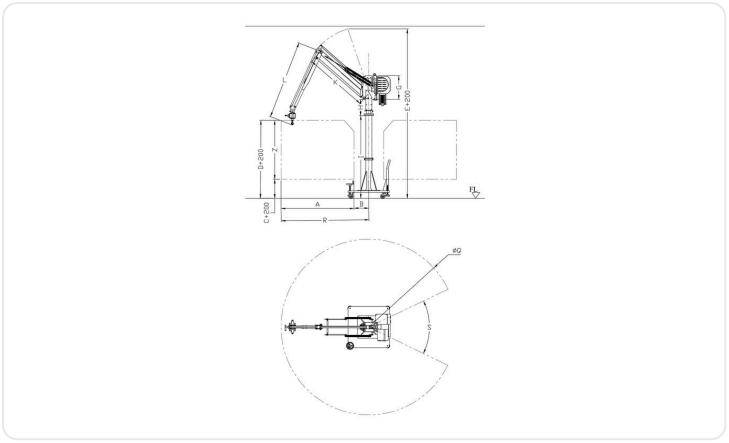
Bản vẽ kích thước



Tay nâng trợ lực điện servo FS-BS / FS-ES – Kiểu đặt sàn

Kiểu đặt sàn

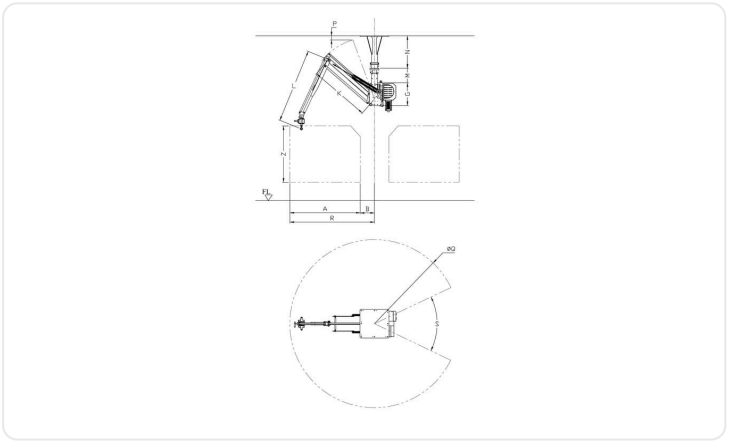
Cột cố định xuống nền. Kích thước theo bảng FS-BS bên dưới.



Tay nâng trợ lực điện servo FS-BS / FS-ES – Kiểu đế di động

Kiểu đế di động

Cùng kích thước bảng FS-BS; các kích thước C, D, E cộng thêm 200 mm do chiều cao đế.



Tay nâng trợ lực điện servo FS-BS / FS-ES – Kiểu treo trần

Kiểu treo trần

Lắp trên khung hoặc dầm trần. Kích thước theo bảng FS-ES bên dưới.

Ký hiệu: A, B – khoảng cách ngang từ điểm treo tải tới cột; R = A + B – bán kính làm việc lớn nhất; Q – đường kính vùng quay; C, D – độ cao thấp nhất / cao nhất của điểm treo tải; Z = D – C – hành trình nâng; E – điểm cao nhất của tay; F – tổng chiều cao; G – chiều cao hộp truyền động; H, I – kích thước cột; K – chiều dài tay sau; M – khoảng từ mặt lắp đến khớp quay (kiểu treo trần). Đơn vị: mm.

Bảng kích thước kiểu đặt sàn / đế di động (dòng FS-BS)

Model	A	B	C	D	E	F	G	H	I	K	Q	R	Z
FS-BS-53	1320	180	300	1350	2974	3050	447	225	1587	1575	3000	1500	1050
FS-BS-54	1792	208	300	1750	3647	3734	447	225	1995	1835	4000	2000	1450
FS-BS-55	2188	312	300	2200	4575	4650	447	225	2574	2315	5000	2500	1900
FS-BS-56	2610	390	300	2550	5310	5400	447	225	3019	2635	6000	3000	2250
FS-BS-103	1320	180	300	1350	3068	3125	453	267	1635	1629	3000	1500	1050
FS-BS-104	1792	208	300	1800	3690	3734	453	267	2009	1889	4000	2000	1500
FS-BS-105	2188	312	300	2200	4715	4770	453	267	2670	2349	5000	2500	1900
FS-BS-106	2610	390	300	2550	5403	5460	453	267	3070	2689	6000	3000	2250
FS-BS-183	1350	150	300	1350	3048	3200	585	431	1459	1643	3000	1500	1050
FS-BS-184	1785	215	300	1750	3728	3875	585	431	1919	1913	4000	2000	1450
FS-BS-185	2200	300	300	2200	4519	4670	585	431	2424	2264	5000	2500	1900
FS-BS-186	2620	380	300	2550	5236	5490	585	431	2854	2625	6000	3000	2250
FS-BS-253	1275	225	300	1350	3162	3235	590	431	1507	1749	3000	1500	1050
FS-BS-254	1770	230	300	1750	3949	4055	590	431	1997	2119	4000	2000	1450
FS-BS-255	2175	325	300	2200	4729	4890	590	431	2482	2487	5000	2500	1900
FS-BS-256	2600	400	300	2550	5427	5600	590	431	2922	2809	6000	3000	2250
FS-BS-303	1275	225	300	1350	3162	3235	590	431	1507	1749	3000	1500	1050
FS-BS-304	1770	230	300	1750	3949	4055	590	431	1997	2119	4000	2000	1450
FS-BS-305	2175	325	300	2200	4729	4890	590	431	2482	2487	5000	2500	1900
FS-BS-306	2600	400	300	2550	5427	5600	590	431	2922	2809	6000	3000	2250

Model	A	B	C	D	E	F	G	H	I	K	Q	R	Z
FS-BS-503	1400	400	300	1550	3786	3860	900	501	1629	2158	3000	1800	1250
FS-BS-504	1550	450	300	1750	4109	4175	900	501	1820	2310	4000	2000	1450
FS-BS-505	1970	530	300	2100	4785	4900	900	501	2200	2673	5000	2500	1800
FS-BS-506	2370	630	300	2500	5612	5720	900	501	2665	3070	6000	3000	2200
FS-BS-704W	1560	440	300	1450	4240	4290	1060	640	1645	2450	4000	2000	1150
FS-BS-705	2040	460	300	2300	5300	5400	1060	640	2275	2865	5000	2500	2000

Bảng kích thước kiểu treo trần (dòng FS-ES)

Model	A	B	G	K	M	Q	Z
FS-ES-53	1056	674	400	236	240	3000	1200
FS-ES-54	1423	755	400	236	240	4000	1450
FS-ES-55	1907	960	400	236	240	5000	1750
FS-ES-56	2342	1262	400	236	240	6000	2000
FS-ES-103	889	766	440	236	240	3000	1200
FS-ES-104	1423	754	440	236	240	4000	1450
FS-ES-105	1906	951	440	236	240	5000	1750
FS-ES-106	2342	1262	440	236	240	6000	2000
FS-ES-183	880	786	480	236	431	3000	1200
FS-ES-184	1421	759	480	236	431	4000	1450
FS-ES-185	1902	947	480	236	431	5000	1750
FS-ES-186	2338	1254	480	236	431	6000	2000
FS-ES-253	1069	681	530	238	431	3000	1200
FS-ES-254	1410	768	530	238	431	4000	1450
FS-ES-255	1897	944	530	238	431	5000	1750
FS-ES-256	2338	1245	530	238	431	6000	2000
FS-ES-503	506	1470	790	322	560	3000	1200
FS-ES-504	1251	1467	790	322	560	4000	1450
FS-ES-505	1405	1605	790	322	560	5000	1800
FS-ES-506	1719	1876	790	322	560	6000	2200

Kiểu đế di động: C, D, E cộng thêm 200 mm. Kích thước có thể điều chỉnh theo mặt bằng và đồ gá thực tế; FULLSHARP sẽ gửi bản vẽ xác nhận khi báo giá.

Liên hệ tư vấn và báo giá

Nhà máy Hải Phòng: Nhà xưởng A1-1, KCN VSIP Hải Phòng, P. Nam Triệu, TP. Hải Phòng
Văn phòng phía Nam: 16 Lô 1-07, KDC Ấp 4, P. Thới Hòa, TP. Hồ Chí Minh
Hotline: 0817 888 198 · **Email:** sales@fullsharp.com.vn · **Website:** www.fullsharp.com.vn

Thông số có thể thay đổi theo cấu hình đặt hàng. Vui lòng liên hệ FullSharp để được tư vấn chính xác.